**CHƯƠNG I: VẼ KĨ THUẬT**

**BÀI 1: MỘT SỐ TIÊU CHUẨN TRÌNH BÀY BẢN VẼ KĨ THUẬT**

**A. TRẮC NGHIỆM**

**1. NHẬN BIẾT**

**Câu 1:** Khổ giấy A4 là khổ giấy có kích thước:

A. 841 x 594.

B. 594 × 420.

C. 420 x 297.

D. 297 × 210.

**Câu 2:** Khổ giấy A3 là khổ giấy có kích thước:

A. 841 x 594.

B. 594 × 420.

C. 297 x 420.

D. 297 × 210.

**Câu 3:** Khổ giấy A0 là khổ giấy có kích thước:

A. 841 x 594.

B. 1 189 x 841

C. 297 x 420.

D. 594 x 420

**Câu 4:** Quy định về chiều rộng lề bên trái trong khung bản vẽ là bao nhiêu?

A. 10 mm

B. 20 mm

C. 30 mm

D. 40 mm

**Câu 5:** Quy định về chiều rộng lề bên phải, bên trên, bên dưới trong khung bản vẽ là bao nhiêu?

A. 10 mm

B. 20 mm

C. 30 mm

D. 40 mm

**Câu 6:** Trên bản vẽ kĩ thuật, nét liền mảnh được dùng để

A. Vẽ đường bao thấy, cạnh thấy.

B. Vẽ đường bao khuất, cạnh khuất.

C. Đường kích thước, đường gióng,

D. Vẽ đường tâm, đường trục.

**Câu 7:** Vị trí của khung tên trên bản vẽ được nằm ở đâu?

A. Góc bên phải phía trên bản vẽ

B. Góc bên phải phía dưới bản vẽ

C. Góc bên trái phía trên bản vẽ

D. Góc bên trái phía dưới bản vẽ

**Câu 8:** Tỉ lệ bản vẽ là gì?

A. Tỉ lệ là tỉ số giữa kích thước dài đo được trên hình biểu diễn của vật thể và kích thước thực tương ứng trên vật thể đó.

B. Tỉ lệ là tỉ số giữa kích thước thực của vật thể và kích thước dài đo được trên hình biểu diễn của vật thể

C. Tỉ lệ là tỉ số giữa kích thước thực của vật thể và 2 lần kích thước dài đo được trên hình biểu diễn của vật thể

D. Tỉ lệ là tích giữa kích thước dài đo được trên hình biểu diễn của vật thể và kích thước thực tương ứng trên vật thể đó.

**Câu 9:** Đâu làhình dạng của nét liền mảnh?

A.

B.

C.

D.

**Câu 10:** Đâu là hình dạng của nét gạch dài – chấm – gạnh dài?

A.

B.

C.

D.

**Câu 11:** Đâu là hình dạng của nét liền đậm?

A.

B.

C.

D.

**Câu 12:** Đâu là hình dạng của nét đứt mảnh?

A.

B.

C.

D.

**Câu 13:** Mỗi bản vẽ đều có:

A. Khung vẽ.

B. Khung tên.

C. Cả A và B.

D. Đáp án khác.

**Câu 14:** Các tỉ lệ của bản vẽ kĩ thuật bao gồm:

A. Nguyên hình.

B. Thu nhỏ.

C. Phóng to.

D. Cả 3 ý trên.

**Câu 15:** Có bao nhiêu loại nét vẽ thường dùng trong bản vẽ kĩ thuật:

A. 3.

B. 4.

C. 5.

D. 6.

**Câu 16** Kí hiệu của Tiêu Chuẩn Việt Nam về bản vẽ kĩ thuật là?

A. TCVN

B. ISO

C. TCQT

D. Không có kí hiệu cụ thể

**Câu 17:** Khái niệm bản vẽ kĩ thuật:

A. Là tài liệu kĩ thuật được trình bày dưới dạng hình vẽ, biểu diễn hình dạng, kích thước, và yêu cầu kĩ thuật của sản phẩm.

B. Là ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp.

C. Là tài liệu cần thiết khi bảo dưỡng, sửa chữa sản phẩm.

D. Một đáp án khác

**Câu 18:** Tiêu chuẩn đầu tiên của bản vẽ kĩ thuật:

A. Khổ giấy.

B. Tỉ lệ.

C. Nét vẽ.

D. Chữ viết.

**Câu 19:** Để ghi được một kích thước thường có bao nhiêu thành phần?

A. Gồm 2 phần

B. Gồm 3 phần

C. Gồm 4 phần

D. Gồm 5 phần

**Câu 20:** Giá trị kích thước cho biết điều gì?

A. Số chỉ của kích thước trên bản vẽ, phụ thuộc vào tỉ lệ bản vẽ

B. Số chỉ trị số kích thước thực, không phụ thuộc vào tỉ lệ bản vẽ

C. Chỉ cho biết số chỉ của kích thước dài

D. Chỉ cho biết giá trị kích thước đường kính và bán kính của cung tròn, đường tròn.

**2. THÔNG HIỂU**

**Câu 1:** Trong các bản vẽ sau, đâu là bản vẽ kĩ thuật?

A. Bản vẽ cơ khí

B. Bản vẽ xây dựng

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Câu 2:** Bản vẽ kĩ thuật được dùng trong quá trình nào?

A. Chế tạo

B. Lắp ráp

C. Vận hành và sửa chữa

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 3:** Bản vẽ kĩ thuật thường dùng trong lĩnh vực nào ?

A. Nông nghiệp

B. Giao thông

C. Xây dựng

D. Tất cả các lĩnh vực trên

**Câu 4:** Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về bản vẽ kĩ thuật?

A. Là các thông tin kĩ thuật trình bày dưới dạng hình vẽ theo quy tắc thống nhất

B. Là các thông tin kĩ thuật trình bày dưới dạng các kĩ hiệu theo quy tắc thống nhất

C. Thường vẽ theo tỉ lệ

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 5:** Trên bản vẽ kĩ thuật, nét đứt mảnh được dùng để

A. Vẽ đường bao thấy, cạnh thấy.

B. Vẽ đường bao khuất, cạnh khuất.

C. Vẽ đường tâm, đường trục.

D. Một đáp án khác

**Câu 6:** Chỉ ra phát biểu đúng.

A. Đường kích thước được vẽ bằng nét đứt mảnh.

B. Đường kích thước được vẽ bằng nét liền mảnh và thường có vẽ mũi tên ở 2 đầu.

C. Đường kích thước được vẽ bằng nét liền đậm và thường có vẽ mũi tên ở 2 đầu.

D. Đường kích thước được vẽ bằng nét gạch dài – chấm – mảnh

**Câu 7:** Chỉ ra phát biểu đúng.

A. Đường gióng được vẽ bằng nét liền mảnh. Đường gióng nên vẽ vuông góc với độ dài cần ghi kích thước.

B. Đường gióng được vẽ bằng nét liền mảnh. Đường gióng nên vẽ song song với độ dài cần ghi kích thước.

C. Đường gióng được vẽ bằng nét đứt mảnh. Đường gióng nên vẽ vuông góc với độ dài cần ghi kích thước.

D.Đường gióng được vẽ bằng nét đứt mảnh. Đường gióng nên vẽ song song với độ dài cần ghi kích thước.

**Câu 8:** Trên bản vẽ kĩ thuật, nét liền đậm được dùng để

A. Vẽ đường bao thấy, cạnh thấy.

B. Vẽ đường bao khuất, cạnh khuất.

C. Vẽ đường tâm, đường trục.

D. Một đáp án khác

**Câu 9:** Trên bản vẽ kĩ thuật, nét liền mảnh được dùng để

A. Vẽ đường bao thấy, cạnh thấy.

B. Vẽ đường bao khuất, cạnh khuất.

C. Vẽ đường tâm, đường trục.

D. Vẽ đường kích thước, đường gióng

**Câu 10:** Trên bản vẽ kĩ thuật, nét dài – chấm – mảnh được dùng để

A. Vẽ đường bao thấy, cạnh thấy.

B. Vẽ đường bao khuất, cạnh khuất.

C. Vẽ đường tâm, đường trục.

D. Vẽ đường kích thước, đường gióng

**3. VẬN DỤNG**

**Câu 1:** Khổ giấy A0 được tạo thành từ bao nhiêu khổ giấy A4?



A. 12

B. 14

C. 16

D. 20

**Câu 2:** Một viên gạch có kích thước một bề mặt 200 mm và 100 mm. Trên bản vẽ, bề mặt đó được vẽ với kích thước tương ứng là 20 mm và 10mm. Tỉ lệ vẽ là:

A. 1 : 2

B. 1 : 4

C. 1 : 5

D. 1 : 10

**Câu 3:** Vị trí A trong hình được biểu diễn bằng nét gì?



A. Nét liền đậm

B. Nét liền mảnh

C. Nét đứt mảnh

D. Nét gạch dài – chấm – mảnh

**Câu 4:** Những vị trí nào được biểu diễn bằng nét đứt mảnh trong hình bên dưới?



A. Vị trí A, D, E

B. Vị trí D, E, G

C. Chỉ có vị trí D, E

D. Chỉ có vị trí D, G

**Câu 5:** Một vòng đai có kích thước là 280 mm và 100 mm. Trên bản vẽ, bề mặt đó được vẽ với kích thước tương ứng là 140 mm và 50mm. Tỉ lệ vẽ là:

A. 1 : 2

B. 1 : 4

C. 1 : 5

D. 1 : 10

**4. VẬN DỤNG CAO**

**Câu 1:** TCVN 7285:2003 là quy định về tiêu chuẩn gì trong bản vẽ kĩ thuật?

A. Quy định về khung bản vẽ kĩ thuật

B. Quy định về khung tên của bản vẽ kĩ thuật

C. Quy định về khổ giấy của các bản vẽ kĩ thuật

D. Quy định về ghi kích thước bản vẽ

**Câu 2:** TCVN 7583-1:2006 là quy định về tiêu chuẩn gì trong bản vẽ kĩ thuật?

A. Quy định về khung bản vẽ kĩ thuật

B. Quy định về khung tên của bản vẽ kĩ thuật

C. Quy định về khổ giấy của các bản vẽ kĩ thuật

D. Quy định về ghi kích thước bản vẽ

**B. ĐÁP ÁN**

**1. NHẬN BIẾT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. D** | **2. C** | **3. B** | **4. B** | **5. A** |
| **6. C** | **7. B** | **8. A** | **9. C** | **10. D** |
| **11. A** | **12. B** | **13. C** | **14. D** | **15. B** |
| **16. A** | **17. A** | **18. A** | **19. B** | **20. B** |

**2. THÔNG HIỂU**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. C** | **2. D** | **3. D** | **4. D** | **5. B** |
| **6. B** | **7. A** | **8. A** | **9. D** | **10. C** |

**3. VẬN DỤNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. C** | **2. D** | **3. A** | **4. D** | **5. A** |

**4. VẬN DỤNG CAO**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. A** |  **2. D** |  |